

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NAM ĐỨC PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NAM ĐỨC PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM DUC PHAT EXPORT IMPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NDP EXPORT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107934436

**3. Ngày thành lập:** 24/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 26 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3944 9741

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Quảng cáo                                                                                                                            | 7310     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; | 8299     |
| 3.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;                         | 4719     |
| 4.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                 | 4752     |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                               | 4311     |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                    | 4312     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                      | 4322     |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                   | 4530     |
| 9.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                | 4543     |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                   | 4649     |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                  | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;</li> <li>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;</li> <li>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;</li> <li>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;</li> <li>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;</li> <li>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;</li> <li>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;</li> <li>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;</li> <li>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may;</li> <li>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.</li> <li>- Bán buôn máy dệt may;</li> <li>- Bán buôn máy in;</li> </ul> | 4659 |
| 13. | <p>Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ sửa chữa thiết bị điện tử như máy vi tính, thiết bị ngoại vi;</li> <li>- Máy vi tính để bàn, máy tính xách tay;</li> <li>- Ổ đĩa từ, các thiết bị lưu giữ khác;</li> <li>- Ổ đĩa quang (CD-RW, CD-ROM, DVD-ROM, DVD-RW);</li> <li>- Máy in;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9511 |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7710 |
| 15. | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2660 |
| 16. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7730 |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2592 |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662 |
| 19. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759 |
| 20. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1610 |
| 21. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1623 |
| 22. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1709 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4741        |
| 24. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4742        |
| 25. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3830        |
| 26. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4210        |
| 27. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4220        |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 29. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vải;<br>- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác;<br>- Bán buôn hàng may mặc;<br>- Bán buôn giày dép;                                                                                                                                                                              | 4641        |
| 30. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5224        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0240        |
| 32. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1621        |
| 33. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1622(Chính) |
| 34. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1629        |
| 35. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1701        |
| 36. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1702        |
| 37. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3100        |
| 38. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663        |
| 39. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Mua bán tấm nhựa tổng hợp, nhựa gia dụng, công nghiệp;<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh;                                            | 4669        |
| 40. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4753        |
| 41. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0221        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 42. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                  | 4763 |
| 43. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh      | 4771 |
| 44. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy in và máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in, bao gồm máy cho in dệt và các nguyên liệu khác;                                                                                                                                 | 2829 |
| 45. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4100 |
| 46. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                  | 4290 |
| 47. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321 |
| 48. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                              | 4329 |
| 49. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 50. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                                                                                            | 4773 |
| 51. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử;                                                                                                                                                                                            | 4791 |
| 52. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2610 |
| 53. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất máy vi tính để bàn;<br>- Sản xuất máy vi tính xách tay;<br>- Sản xuất máy chủ;<br>- Sản xuất máy tính cầm tay (PDA);<br>- Sản xuất ổ đĩa từ, đĩa flash và các thiết bị lưu khác;<br>- Sản xuất máy in; | 2620 |
| 54. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                | 2220 |
| 55. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1811 |
| 56. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5210 |
| 57. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động của bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;                                                                                                                                       | 5221 |
| 58. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5510 |
| 59. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330 |
| 60. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                           | 4513 |
| 61. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4541 |
| 62. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                         | 4390 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: VŨ HOÀI NAM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 28/10/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027073000063

Ngày cấp: 26/05/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 26 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VŨ HOÀI NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/10/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 027073000063

Ngày cấp: 26/05/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 26 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội